

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 07 - 9 - 2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Minh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Huệ

Ông Vũ Xuân Điền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1967. Địa chỉ: đường M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà C, Luật sư Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1962. Địa chỉ: đường P, Thành phố Q, Canada (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2019, nguyên đơn bà A trình bày: Bà và ông B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/2008. Sau khi kết hôn, bà và ông B chung sống với nhau được 01 tháng tại Việt Nam sau đó ông B trở về Canada cho đến nay. Ông B không làm thủ tục bảo lãnh bà sang Canada để đoàn tụ cùng xây dựng gia đình, từ năm 2012 đến nay bà và ông B không còn liên lạc với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn ông B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trả lời của ông B về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa ông với bà A và ông B cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà A và ông B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/2008 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên do tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, xử cho bà A được ly hôn ông B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà A và ông B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Bà A và ông B có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/2008, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chỉ sống chung với nhau được 01 tháng thì ông B về Canada, từ năm 2012 đến nay, ông bà đã không liên lạc với nhau thời gian dài và bà A xác định không còn tình cảm với ông B. Nay bà A yêu cầu ly hôn, nên giải quyết cho ông bà ly hôn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà A, xử cho bà A được ly hôn với ông B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Buộc bà A phải chịu án phí và lệ phí ủy thác theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông B, có quốc tịch Canada và đang cư trú tại địa chỉ: Số 400, P, Thành phố Q, Canada, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hòa giải, triệu tập xét xử đối với ông B. Tuy nhiên, ông B không về Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa, đồng thời, đến nay Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tổng đạt cho ông B. Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông B.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà A với ông B, bà A xác định bà và ông B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban dân dân tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05/02/2008 đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông B và bà A là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của bà A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn bà A và ông B chỉ chung sống với nhau trong một thời gian rất ngắn thì ông B về Canada cho đến nay, ông bà không liên lạc với nhau từ năm 2012 đến nay, cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đến nay ông B không sang Việt Nam. Nay bà A xác định hôn nhân của bà và ông B không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, theo đó thì giữa bà A và ông B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện nay ông B và bà A không còn liên lạc với nhau, làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi và không thể đoàn tụ. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của bà A, cho bà A được ly hôn với ông B.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo bà A xác định bà và ông B không có con chung, tài sản chung và nợ chung, khi ly hôn bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và lệ phí ủy thác tư pháp, bà A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông B; Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết, đề nghị của vị luật sư là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà A và xử cho bà A được ly hôn với

ông B; Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí, lệ phí bà A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A đối với ông B.

Xử cho bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010203 ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp, bà A phải chịu 200.000 đồng. Bà A đã nộp lệ phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0010131 ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu không được hoàn lại.

Án xử sơ thẩm công khai, bà A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

**Châu Minh Nguyệt**